| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KIM THÀNH**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2023/ HNGĐ- ST
Ngày 22/02/2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Chu Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đức Hiệp

Bà Nguyễn Hồng Uyên

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 320/2022/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Anh Lê Việt H, sinh năm 1987

*Bị đơn*: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1988

Đều có địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh H.

Anh H vắng mặt, chị V có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Anh và chị V kết hôn ngày 03 tháng 5 năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh H. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về sinh sống tại gia đình anh H. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do vợ chồng bất đồng trong cách sinh hoạt, lối sống hằng ngày và thường xuyên xảy ra cãi cọ, xích mích. Anh làm nghề phong thủy, phải tiếp xúc nhiều khách hàng, nhiều khi phải tư vấn và nhắn tin trao đổi với khách hàng nhưng chị V thường ghen tuông vô cớ nên có lời nói trì triết, xúc phạm anh. Vợ chồng anh không xảy ra xô xát, đánh cãi chửi nhau to nhưng dần dần vợ chồng không còn muốn nói chuyện, trao đổi gì với nhau, sống với nhau chỉ vì trách nhiệm với con cái. Tình cảm vợ chồng dần dần từ đó cứ lạnh nhạt, không thể hàn gắn được. Đến tháng 10 năm 2022, anh không chịu đựng cuộc sống như vậy nữa nên đã chuyển ra ngoài sinh sống và không còn liên lạc gì với chị V. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị V.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 13/5/2016 và Lê Huy H, sinh ngày 23/9/2013. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị V là 10.000.000đồng/1 con/1 tháng, hai con là 20.000.000đồng/1 tháng. Hiện tại anh làm nghề tự do, thu nhập hàng tháng không cố định nhưng anh có khả năng và điều kiện để cấp dưỡng nuôi con chung với chị V.

Về tài sản chung, nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, chị V trình bày như sau: Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 5 năm 2012 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh H. Sau khi kết hôn, anh chị về gia đình anh H chung sống, được một thời gian thì chuyển ra ngoài, sinh sống tại nhà của vợ chồng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 10 năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn. Chị có phát hiện ra anh H nhắn tin với người phụ nữ khác, cụ thể là ai thì chị không biết, không có tên tuổi hay địa chỉ cụ thể. Nhưng vì thế, vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, trong lúc nóng giận hai bên cũng có những lời nói xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng kể từ tháng 10 năm 2022. Sau một lần vợ chồng cãi cọ, bố đẻ anh H đón anh H về nhà ông bà sinh sống, bỏ mặc lại mẹ con chị ở nhà của vợ chồng. Thỉnh thoảng, anh H có đến thăm con nhưng hai vợ chồng ly thân, không hỏi han, chia sẻ, quan tâm gì đến nhau, cũng như không còn sinh hoạt tình cảm vợ chồng từ đó cho đến nay. Anh H vẫn chu cấp cho con cái nhưng không muốn về sinh sống cùng với chị. Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị chưa được hai gia đình hòa giải, vì chị không muốn nói chuyện với gia đình hai bên. Thêm nữa, chị xét thấy anh H chưa giải quyết ổn thỏa cho chị về kinh tế vợ chồng nên chưa đồng ý ly hôn anh H. Nay anh H kiên quyết xin ly hôn, chị không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như anh H trình bày. Nếu vợ chồng phải ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện chị làm nghề spa tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành, thu nhập hàng tháng là 5.000.000đồng/tháng.

Qua xác minh với trưởng thôn V- xã T, ông K- bố đẻ anh H thể hiện: Quá trình anh H và chị V sinh sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Kể từ giữa năm 2021, anh chị thường xuyên xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về việc sinh hoạt hằng ngày, chăm sóc con cái và làm ăn kinh tế. Chị V có nghi ngờ anh H có quan hệ với người phụ nữ khác nên có ghen tuông vô cớ. Dù anh chị chưa xảy ra xô xát lớn hay đề nghị chính quyền địa phương phải can thiệp nhưng theo dư luận tại địa phương phản ánh anh chị thường xuyên to tiếng, chửi bới, cãi nhau trong gia đình. Nay anh H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Anh H vắng mặt tại phiên tòa.

Chị V không nhất trí ly hôn, vì vợ chồng chưa phân chia tài sản xong. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và đồng ý mức cấp dưỡng anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, cho anh Lê Việt H được ly hôn với chị Bùi Thị V. Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 13/5/2016 và Lê Huy H, sinh ngày 23/9/2013 cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị V là 10.000.000đồng/1 con/1 tháng, hai con là 20.000.000đồng/1 tháng kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Lê Việt H khởi kiện xin ly hôn đối với chị Bùi Thị V có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H là nguyên đơn, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Việt H và chị Bùi Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Anh chị có thời gian dài sinh sống hòa thuận, hạnh phúc thì đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, sinh hoạt hằng ngày, làm ăn kinh tế và dạy dỗ con chung. Anh chị thường xuyên xảy ra cãi cọ, chửi bới, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà càng trở lên trầm trọng. Thêm nữa, chị V có nghi ngờ anh H không chung thủy, dẫn đến anh chị hay to tiếng, chửi bới, gây ồn ào khu dân cư mặc dù anh chị chưa khi nào làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự thôn xóm để chính quyền địa phương phải can thiệp. Đến tháng 10 năm 2022, anh chị sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm, kinh tế. Bản thân chị V mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng ngoài mong muốn đó đến nay, chị V cũng không có biện pháp nào để hàn gắn, níu kéo, đoàn tụ tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không quan tâm, bỏ mặc nhau trong cuộc sống nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị V không đồng ý ly hôn do anh chị chưa giải quyết ổn thỏa về kinh tế không phải là lý do chính đáng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 13/5/2016 và Lê Huy H, sinh ngày 23/9/2013, hiện đang ở với chị V.

Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy: Chị V hiện làm nghề spa làm đẹp, có thu nhập ổn định, nơi ở, khả năng chăm sóc đảm bảo cho các con phát triển trong môi trường sống, học tập được bình thường. Thời gian anh chị ly thân đến nay, hai cháu đều sinh sống cùng chị V. Vì vậy việc giao hai cháu cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng, điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp nguyện vọng của các cháu. Anh H có quan điểm cấp dưỡng nuôi con chung với chị V là 10.000.000đồng/1 con/1 tháng, hai con là 20.000.000đồng/1 tháng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Đến nay, anh H và chị V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Việt H.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Việt H ly hôn chị Bùi Thị V.

- Về con chung: Giao hai con chung là Lê Minh T, sinh ngày 13/5/2016 và Lê Huy H, sinh ngày 23/9/2013 cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị là 10.000.000đồng/1 con/ 1 tháng, hai con là 20.000.000đồng/1 tháng kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 20 hàng tháng.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị V yêu cầu thi hành án, nếu anh H chậm thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Anh H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, đối trừ với số tiền 300.000đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0004942 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Anh H còn phải nộp 300.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Kim Thành;
- UBND xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Thu Hương**